

SCI

Số: 05.2020 /SCIEC - CBTT
(V/v: Báo cáo tài chính riêng
đã được kiểm toán 2019)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Chính Đại – Giám đốc Công ty

Địa chỉ : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì,
quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : 02433 868 243

Fax : 02433 868 243

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán 2019 của Công ty CP SCI E&C bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng; Báo cáo kết quả kinh doanh riêng; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng; Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Đồng thời công ty cũng thực hiện công bố thông tin trên trang web:
<https://www.sci-enc.com>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- P.TCKT, TCHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT/NGƯỜI THỰC
HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Chính Đại

SCI

Số: 06.2020 /SCIEC - CBTT

(V/v: giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC,
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.

Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Điện thoại: 02433 868 243

Fax: 02433 868 243

Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ SCI E&C

Mã chứng khoán: SCI

Công ty Cổ phần SCI E&C xin giải trình về lợi nhuận sau thuế chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	Tỷ lệ chênh lệch %
1	Doanh thu thuần	1.359.940.208.787	1.014.329.890.716	34,07
2	Giá vốn hàng bán	1.240.995.308.217	941.017.047.538	31,88
3	Tổng lợi nhuận sau thuế	42.055.050.105	20.990.748.283	100,35

Nguyên nhân :

Tổng lợi nhuận sau thuế tăng do doanh thu thuần của Công ty tăng mạnh, đây là nguyên nhân chính dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2019 tăng 100,35 % so với cùng kỳ năm trước.

Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT/NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Chính Đại

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10-41

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Phúc	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Chính Đại	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Công Hùng	Thành viên	
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	
Ông Triệu Quang Hà	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 18/04/2019
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18/04/2019

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Phan Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Phan Thanh Hải	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2019
Ông Nguyễn Cao Hải	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/07/2019

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588

Fax: (+84 24) 3868 6248

Web: kiemtoanava.com.vn

Số: 328 /BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 10 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN Kiểm toán số: 1320-2018-126-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		861.184.918.692	754.750.907.176
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	81.177.687.800	66.177.086.019
1. Tiền	111		51.177.687.800	56.177.086.019
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	100.870.000.000	250.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		104.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(3.380.000.000)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		250.000.000	250.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		450.904.927.470	370.027.940.755
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	383.807.496.338	292.237.446.195
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	54.736.359.217	67.873.989.763
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	22.754.175.193	17.407.626.320
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.393.103.278)	(7.491.121.523)
IV. Hàng tồn kho	140	11	209.225.511.604	301.608.027.684
1. Hàng tồn kho	141		209.225.511.604	301.608.027.684
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.006.791.818	16.687.852.718
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	238.478.218	44.312.933
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.726.978.545	16.596.983.732
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	41.335.055	46.556.053
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.075.851.785	187.287.031.885
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.328.700.000	147.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.328.700.000	147.500.000
II. Tài sản cố định	220		161.429.501.160	151.657.734.527
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	133.998.856.524	151.575.234.531
- Nguyên giá	222		290.859.177.338	257.096.004.259
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(156.860.320.814)	(105.520.769.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	27.384.811.312	-
- Nguyên giá	225		31.683.615.818	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.298.804.506)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	45.833.324	82.499.996
- Nguyên giá	228		110.000.000	110.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(64.166.676)	(27.500.004)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.988.309.091	11.886.054.547
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		10.988.309.091	11.886.054.547
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	13.020.000.000	22.520.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.500.000.000	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10.520.000.000	22.520.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		309.341.534	1.075.742.811
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	309.341.534	1.075.742.811
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.049.260.770.477	942.037.939.061

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		851.101.370.984	784.925.959.741
I. Nợ ngắn hạn	310		781.649.571.857	743.118.117.342
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	118.923.266.474	183.650.646.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	209.521.006.096	248.078.460.920
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	2.315.188.329	4.218.563.586
4. Phải trả người lao động	314		14.441.369.741	24.968.111.291
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	5.248.688.641	5.024.318.952
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	81.490.859.849	26.568.339.390
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	347.298.269.554	249.001.383.916
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.410.923.173	1.608.293.241
II. Nợ dài hạn	330		69.451.799.127	41.807.842.399
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	569.232.073	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	67.532.567.054	41.807.842.399
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	1.350.000.000	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.159.399.493	157.111.979.320
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	198.159.399.493	157.111.979.320
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.999.680.000	109.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.999.680.000	109.999.950.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	9.560.557.541
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.599.161.952	37.551.471.779
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		25.544.111.847	16.560.723.496
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		42.055.050.105	20.990.748.283
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.049.260.770.477	942.037.939.061

Nguyễn Đức Duy
Người lập

Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

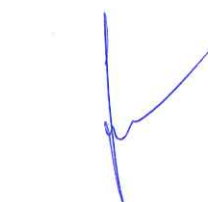
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2019

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.359.940.208.787	1.014.329.890.716
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.359.940.208.787	1.014.329.890.716
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.240.995.308.217	941.017.047.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		118.944.900.570	73.312.843.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	13.210.907.371	4.469.529.593
7. Chi phí tài chính	22	29	42.153.566.598	23.288.585.124
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.311.212.925	23.118.893.339
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	35.652.529.441	28.789.927.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		54.349.711.902	25.703.860.332
11. Thu nhập khác	31	31	355.747.736	808.753.930
12. Chi phí khác	32	32	2.127.182.674	224.259.342
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.771.434.938)	584.494.588
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		52.578.276.964	26.288.354.920
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	10.523.226.859	5.297.606.637
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		42.055.050.105	20.990.748.283



Nguyễn Đức Duy
Người lập



Nguyễn Minh Đức
Kế toán trưởng




Nguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNGNăm 2019
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		52.578.276.964	26.288.354.920
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		72.560.817.390	28.853.625.314
- Các khoản dự phòng	03		7.631.981.755	1.934.654.503
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(166.626.020)	(18.035.433)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.609.929.660)	(3.680.286.514)
- Chi phí lãi vay	06		34.311.212.925	23.118.893.339
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		161.305.733.354	76.497.206.129
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(88.822.622.346)	(85.637.073.227)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		92.382.516.080	(59.470.328.770)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(58.448.029.425)	119.035.443.103
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		572.235.992	1.597.370.797
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(104.000.000.000)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(33.778.287.126)	(23.141.230.962)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.439.135.690)	(2.587.785.057)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(205.000.000)	(196.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43.432.589.161)	26.097.402.013
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(107.114.107.523)	(46.045.203.922)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		23.589.943.637	498.907.500
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(57.495.898.613)	(2.520.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		69.495.898.613	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.500.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.436.935.040	3.551.527.839
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.587.228.846)	(44.514.768.583)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		957.903.680.970	905.718.835.627
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(825.773.370.677)	(853.290.609.259)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.108.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		124.021.610.293	52.428.226.368

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		15.001.792.286	34.010.859.798
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		66.177.086.019	32.166.855.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.190.505)	(628.872)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5	<u>81.177.687.800</u>	<u>66.177.086.019</u>



Nguyễn Đức Duy
Người lậpNguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25/10/2019.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.999.680.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 120.999.680.000 đồng; tương đương 12.099.968 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trụ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, đỡ đỡ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dụng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng đỡ đỡ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, đỡ đỡ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bể ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp; thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê ô tô.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên chi nhánh	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng	Xây lắp

Công ty có các công ty con sau:

Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Quảng Trị	100,00%	100,00%	Xây lắp

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuế tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại ttn phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền (hoặc nhập trước xuất trước hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị 05 năm

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	3.572.765.565	2.883.108.954
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	47.604.922.235	53.293.977.065
Các khoản tương đương tiền	30.000.000.000	10.000.000.000
	81.177.687.800	66.177.086.019

Tại 31/12/2019, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 5,3% đến 5,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Đầu tư dài hạn	10.520.000.000	10.520.000.000	22.520.000.000	22.520.000.000
Trái phiếu	10.520.000.000	10.520.000.000	22.520.000.000	22.520.000.000
	10.770.000.000	10.770.000.000	22.770.000.000	22.770.000.000

Khoản đầu tư trái phiếu gồm:

- Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Nước sạch và Môi trường ECO&MORE, số lượng 6 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu 03 năm từ tháng 11/06/2018 đến tháng 11/06/2021; lãi trái phiếu thanh toán 2 lần/năm.
- Khoản đầu tư trái phiếu của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), số lượng 452 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 đồng/ trái phiếu. Kỳ hạn trái phiếu từ 21/12/2018 đến 21/12/2025.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Dự phòng				
	104.000.000.000	100.620.000.000	-	-
		(3.380.000.000)		
	104.000.000.000	100.620.000.000	-	-

Cổ phiếu GEX

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	500.000.000	500.000.000	-	-
	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2019 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Lai Châu	100,00%	100,00%	Xây lắp
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Quảng Trị	100,00%	100,00%	Xây lắp

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: xem chi tiết tại Thuyết minh số 38.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty Cổ phần SCI	183.972.487.660	49.904.463.390
Văn phòng đại diện Tổng Công ty Sông Đà, Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	6.395.646.624	6.639.368.483
Công ty TNHH SCI Nghệ An	9.808.677.533	14.980.841.084
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	47.952.239.722	67.107.390.015
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	49.363.490.495	-
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX Ninh Thuận	42.230.542.536	121.039.547.059
Các khoản phải thu khách hàng khác	44.084.411.768	32.565.836.164
	383.807.496.338	292.237.446.195
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	251.880.695.010	64.885.304.474
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38)</i>		

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	15.649.216.589	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Sơn Hải	3.645.175.000	-	4.887.337.816	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	2.470.599.999	-	2.470.599.999	-
Công ty CP ECOBA Việt Nam	5.726.516.118	-	5.726.516.118	-
Công ty TNHH Thiết bị điện Gelex	-	-	13.565.200.000	-
Công ty Cổ phần TS Invest	-	-	7.963.717.340	-
Công ty CP ATZ ASIA	-	-	6.362.289.666	-
GCL System Integration Technology Pte.ltd	-	-	13.162.958.447	-
Voith Hydro Private Limited	9.945.602.089	-	2.063.910.703	-
Trả trước khác	17.299.249.422	-	11.671.459.674	-
	54.736.359.217	-	67.873.989.763	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	386.612.274	-	1.124.292.335	-
Phải thu người lao động	933.704.188	-	1.754.602.644	-
Tạm ứng	5.239.838.626	-	7.700.363.370	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	3.500.000	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	9.819.223.222	-	3.345.213.800	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	3.228.663.636	-	-	-
Phải thu khác	3.136.133.247	(383.541.210)	3.479.654.171	(383.541.210)
	22.754.175.193	(383.541.210)	17.407.626.320	(383.541.210)
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	2.328.700.000	-	147.500.000	-
	2.328.700.000	-	147.500.000	-

10 . NỢ XẤU

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:				
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6.248.083.094	-	6.248.083.094	1.874.424.928
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	-	3.425.189.422	1.027.556.827
- Các khoản khác	719.830.762	-	719.830.762	-
	10.393.103.278	-	10.393.103.278	2.901.981.755

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	4.989.780.454	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.472.937.675	-	49.568.035.260	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	183.752.573.929	-	247.050.211.970	-
	209.225.511.604	-	301.608.027.684	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2019	11.221.128.927	170.757.655.003	74.305.387.958	675.832.371	136.000.000	257.096.004.259
Mua sắm	-	49.409.208.788	26.787.155.646	131.872.727	-	76.328.237.161
Phân loại lại	-	(6.774.068.182)	6.774.068.182	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(33.164.936.317)	(9.400.127.765)	-	-	(42.565.064.082)
Tại ngày 31/12/2019	11.221.128.927	180.227.859.292	98.466.484.021	807.705.098	136.000.000	290.859.177.338
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2019	7.077.001.137	61.735.042.179	36.226.061.811	478.131.269	4.533.332	105.520.769.728
Trích khấu hao	280.528.224	43.406.000.686	24.249.058.653	235.358.665	54.399.984	68.225.346.212
Phân loại lại	1.692.326	(1.692.326)	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.614.031.482)	(8.271.763.644)	-	-	(16.885.795.126)
Tại ngày 31/12/2019	7.359.221.687	96.525.319.057	52.203.356.820	713.489.934	58.933.316	156.860.320.814
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	4.144.127.790	109.022.612.824	38.079.326.147	197.701.102	131.466.668	151.575.234.531
Tại ngày 31/12/2019	3.861.907.240	83.702.540.235	46.263.127.201	94.215.164	77.066.684	133.998.856.524

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 100.349.794.607 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 35.753.016.370 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Thuê tài chính	30.910.000.000	773.615.818	31.683.615.818
Tại ngày 31/12/2019	30.910.000.000	773.615.818	31.683.615.818
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Trích khấu hao	4.266.570.510	32.233.996	4.298.804.506
Tại ngày 31/12/2019	4.266.570.510	32.233.996	4.298.804.506
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Tại ngày 31/12/2019	26.643.429.490	741.381.822	27.384.811.312

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2019	110.000.000	110.000.000
Tại ngày 31/12/2019	110.000.000	110.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2019	27.500.004	27.500.004
Trích khấu hao	36.666.672	36.666.672
Tại ngày 31/12/2019	64.166.676	64.166.676
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2019	82.499.996	82.499.996
Tại ngày 31/12/2019	45.833.324	45.833.324

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	4.865.278
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	238.478.218	39.447.655
	238.478.218	44.312.933
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	114.174.879	413.778.688
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	28.953.305
Chi phí mua bảo hiểm	175.048.039	434.895.400
Chi phí trả trước dài hạn khác	20.118.616	198.115.418
	309.341.534	1.075.742.811

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty Cổ phần SCI	508.370.878	508.370.878	16.150.533.357	16.150.533.357
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam	2.257.450.231	2.257.450.231	9.632.822.297	9.632.822.297
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	45.436.276.803	45.436.276.803	-	-
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	928.730.400	928.730.400	7.625.390.000	7.625.390.000
Công ty TNHH Phát triển công nghiệp Tân Hoàng Mai	89.094.500	89.094.500	5.423.949.334	5.423.949.334
Voith Hydro Private Limited	814.488.690	814.488.690	10.704.816.303	10.704.816.303
Fujian Antai New Energy Tech Co.,Ltd	-	-	4.625.880.401	4.625.880.401
Furukawa Rock Drill Co.,Ltd	15.601.617.000	15.601.617.000	10.213.681.600	10.213.681.600
GCL System Intergration Technology Pte., Ltd	-	-	29.330.130.544	29.330.130.544
Công ty TNHH xây dựng Sơn Hải	3.366.848.136	3.366.848.136	8.955.390.373	8.955.390.373
Các khoản phải trả khác	49.920.389.836	49.920.389.836	80.988.051.837	80.988.051.837
	118.923.266.474	118.923.266.474	183.650.646.046	183.650.646.046
	46.182.318.592	46.182.318.592	16.569.630.569	16.569.630.569

Phải trả người bán là các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃU SỐ B 09-DN**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	143.201.067.491	143.201.067.491	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	871.432.062	871.432.062	-	-	871.432.062	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	-	3.884.942.916	10.523.226.859	12.439.135.690	-	-	12.439.135.690	-	-	1.969.034.085	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	288.825.620	1.004.568.763	992.035.189	-	-	992.035.189	-	-	301.359.194	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	46.556.053	-	-	55.811.196	50.590.198	-	-	50.590.198	41.335.055	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.190.507	13.351.716	13.351.716	-	-	13.351.716	-	-	5.190.507	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	39.604.543	-	-	-	-	-	-	-	39.604.543	-
	46.556.053		4.218.563.586	155.669.458.087	157.567.612.346			41.335.055			2.315.188.329	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	15.788.116.612	17.806.239.748
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	182.761.434.371	-
Công ty TNHH MTV năng lượng GELEX	396.602.607	219.300.578.059
Khách hàng khác	10.574.852.506	10.971.643.113
	209.521.006.096	248.078.460.920
Người mua trả tiền trước là các bên có liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	182.761.434.371	-

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	889.739.632	356.813.833
Trích trước chi phí các công trình	4.358.949.009	4.667.505.119
	5.248.688.641	5.024.318.952

20 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chênh lệch giá trị còn lại và giá thuê tài sản cố định thuê tài chính	569.232.073	-
	569.232.073	-

21 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	505.631.890	534.733.222
Bảo hiểm thất nghiệp	43.339.750	177.052
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	20.130.335.326	19.101.650.971
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	328.599.001	338.671.454
Khoản margin đầu tư chứng khoán	53.985.867.527	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.497.086.355	6.593.106.691
	81.490.859.849	26.568.339.390

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	226.030.706.524	226.030.706.524	873.347.982.250	781.308.874.954	318.069.813.820	318.069.813.820
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	196.392.064.585	196.392.064.585	716.728.381.599	632.003.916.253	281.116.529.931	281.116.529.931
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽²⁾	8.638.641.939	8.638.641.939	57.619.600.651	38.804.958.701	27.453.283.889	27.453.283.889
- Công ty CP DVC Việt Nam	21.000.000.000	21.000.000.000	-	21.000.000.000	-	-
- Công ty TNHH MTV Năng lượng Gelex Ninh Thuận	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân ⁽³⁾	-	-	49.000.000.000	39.500.000.000	9.500.000.000	9.500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	22.970.677.392	22.970.677.392	32.499.549.065	34.729.295.723	20.740.930.734	20.740.930.734
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	17.701.303.392	17.701.303.392	26.844.972.013	27.695.792.710	16.850.482.695	16.850.482.695
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	4.369.374.000	4.369.374.000	5.204.577.052	5.683.503.013	3.890.448.039	3.890.448.039
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	900.000.000	900.000.000	450.000.000	1.350.000.000	-	-
Nợ thuế tài chính ngắn hạn	-	-	8.487.525.000	-	8.487.525.000	8.487.525.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội ⁽⁷⁾	-	-	8.487.525.000	-	8.487.525.000	8.487.525.000
	249.001.383.916	249.001.383.916	914.335.056.315	816.038.170.677	347.298.269.554	347.298.269.554

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

22 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2019		Trong kỳ		31/12/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	30.048.390.912	30.048.390.912	36.416.778.720	34.640.172.013	31.824.997.619	31.824.997.619
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	8.673.685.187	8.673.685.187	4.294.920.000	5.204.577.052	7.764.028.135	7.764.028.135
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽⁶⁾	3.085.766.300	3.085.766.300	220.000.000	2.390.000.000	915.766.300	915.766.300
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST - CN Hà Nội ⁽⁷⁾	-	-	43.624.000.000	16.596.225.000	27.027.775.000	27.027.775.000
	41.807.842.399	41.807.842.399	84.555.698.720	58.830.974.065	67.532.567.054	67.532.567.054

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mê Trì,
phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/		Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dự nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức bảo đảm tiền vay
		Số tiền vay	Lãi suất vay				
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 1.500.000.000.000 01/2019/283367/HBTĐHM ngày 31/05/2019	1.500.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	Kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/04/2020	281.116.529.931 281.116.529.931	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 50.000.000.000 18153/HMCV/HBTĐ.DAH ngày 14/09/18 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số BS.01.18153/HM/HBTĐ.DA H ngày 13/09/19	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng đến 14/09/2019	27.453.283.889 27.453.283.889	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Vay cá nhân					9.500.000.000	

Bao gồm các hợp đồng vay cá nhân là cán bộ nhân viên trong công ty với thời hạn từ 01 đến 05 tháng, lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,5%/năm

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN**Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTD ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	48.675.480.314 1.588.235.290	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.320.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 16/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	112.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 07/11/2017	20.847.629.925	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	12.396.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2018/283367/HĐTD ngày 12/06/2018	17.278.800.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/09/2018, sau đó thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-4	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	7.483.759.904	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 01/2018/283367/HĐTD ngày 27/03/2018	8.500.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 30/06/2018, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-2.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	5.206.948.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2018/283367/HĐTD ngày 26/12/2018	19.359.278.260	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 31/03/2019, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-5.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	11.359.278.260	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2019/283367/HĐTD ngày 30/10/2019	111.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết ngày 31/12/2019, sau đó được điều chỉnh thả nổi 03 tháng/lần	Mua sắm máy móc thiết bị thi công theo Dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2019-1.1.	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	7.209.258.860	Tài sản hình thành từ vốn vay

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2019	Phương thức bảo đảm tiền vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Somi Romooc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	11.654.476.174	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 15189/TH/HBTD.DAH ngày 26/08/2015	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.727.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 17293/TH/HBTD.DAH ngày 21/05/2018	22.638.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,2%/ năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	3.759.232.750	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng vay số 18153/TH/HBTD.DAH ngày 14/09/2018	19.800.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, lãi suất hiện tại là: 9,6%/ năm	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	4.077.275.737	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
6	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- chi nhánh Tây Hà Nội	9.500.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	915.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng vay số 01/2018- HDDCVADDDT/NHCT146- SCIE&C ngày 25/06/2018	4.435.766.300	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 01 tháng/lần	Thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2018-1"	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	697.766.300	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
	Phụ lục 01 Hợp đồng vay số 01/2018- HDDCVADDDT/NHCT146- SCIE&C ngày 25/06/2018					218.000.000	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN SCIE&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

Thông tin bổ sung các khoản nợ thuê tài chính

7	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội						35.515.300.000
	Hợp đồng thuê tài chính số	15.652.000.000	Lãi suất thuê cố định			60 tháng kể từ	14.086.800.000
	21719000076/HĐCTTC ngày		8,5%/năm trong 6 tháng đầu			ngày nhận nợ	
	03/05/2019		tiên, sau đó điều chỉnh thả			(03/05/2024)	
			nổi 03 tháng/lần				
	Hợp đồng thuê tài chính số	13.892.400.000	Lãi suất thuê cố định			48 tháng kể từ	13.892.400.000
	21719000230/HĐCTTC ngày		8,5%/năm trong 6 tháng đầu			ngày nhận nợ	
	28/10/2019		tiên, sau đó điều chỉnh thả			(29/10/2023)	
			nổi 03 tháng/lần				
	Hợp đồng thuê tài chính số	7.536.100.000	Lãi suất thuê cố định			48 tháng kể từ	7.536.100.000
	21719000327/HĐCTTC ngày		8,5%/năm trong 6 tháng đầu			ngày nhận nợ	
	26/12/2019		tiên, sau đó điều chỉnh thả			(31/12/2023)	
			nổi 03 tháng/lần				

Phục vụ thi công xây dựng

Phục vụ thi công xây dựng

Phục vụ thi công xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

23 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.350.000.000	-
	1.350.000.000	-

24 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018				
Tại ngày 01/01/2018	100.000.000.000	7.304.985.925	29.717.730.876	137.022.716.801
Lãi trong năm trước	-	-	20.990.748.283	20.990.748.283
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	9.999.950.000	-	(9.999.950.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	2.255.571.616	(2.857.057.380)	(601.485.764)
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	109.999.950.000	9.560.557.541	37.551.471.779	157.111.979.320
Năm 2019				
Tại ngày 01/01/2019	109.999.950.000	9.560.557.541	37.551.471.779	157.111.979.320
Lãi trong năm nay	-	-	42.055.050.105	42.055.050.105
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	10.999.730.000	-	(10.999.730.000)	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	(827.629.932)	(827.629.932)
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	120.999.680.000	9.560.557.541	67.599.161.952	198.159.399.493

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2019, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	20.990.748.283
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,94%	827.629.932
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% vốn điều lệ)	52,40%	10.999.730.000
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	1,43%	300.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	42,23%	8.863.388.351

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2019	Tỷ lệ	01/01/2019
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Công ty Cổ phần SCI	60,50%	73.205.000.000	60,50%	66.550.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	39,50%	47.794.680.000	39,50%	43.449.950.000
	100%	120.999.680.000	100%	109.999.950.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	120.999.680.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	109.999.950.000	100.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	10.999.730.000	-
- Vốn góp cuối năm	120.999.680.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.999.730.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	10.999.730.000	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.099.968	10.999.995
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12.099.968	10.999.995
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.968	10.999.995
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.099.968	10.999.995
- Cổ phiếu phổ thông	12.099.968	10.999.995
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541
	9.560.557.541	9.560.557.541

25 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2019	01/01/2019
Đồng đô la Mỹ (USD)	26.203,90	440,46

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	76.143.317.977	45.429.988.570
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.283.796.890.810	968.899.902.146
	<u>1.359.940.208.787</u>	<u>1.014.329.890.716</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)	<u>348.859.154.268</u>	<u>378.869.696.547</u>

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	71.707.877.092	44.771.902.788
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.169.287.431.125	896.245.144.750
	<u>1.240.995.308.217</u>	<u>941.017.047.538</u>

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.699.254.979	3.646.509.063
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	804.858.802	-
Lãi bán các khoản đầu tư	1.441.997.269	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.098.170.301	804.985.097
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	166.626.020	18.035.433
	<u>13.210.907.371</u>	<u>4.469.529.593</u>

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	34.311.212.925	23.118.893.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.462.353.673	169.041.785
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và t	3.380.000.000	-
Chi phí tài chính khác	-	650.000
	<u>42.153.566.598</u>	<u>23.288.585.124</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.329.561.927	1.872.494.547
Chi phí nhân công	17.412.063.126	14.270.713.991
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.306.195.502	823.210.909
Thuế, phí, lệ phí	1.133.479.024	2.195.770.750
Chi phí dự phòng	2.901.981.755	1.934.654.503
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.598.538.115	4.855.482.752
Chi phí khác bằng tiền	2.970.709.992	2.837.599.863
	35.652.529.441	28.789.927.315

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập khác	355.747.736	808.753.930
	355.747.736	808.753.930

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.089.325.319	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế	37.857.336	221.789.801
Chi phí khác	19	2.469.541
	2.127.182.674	224.259.342

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.578.276.964	26.288.354.920
Các khoản điều chỉnh tăng	37.857.336	199.678.265
- Chi phí không hợp lệ	37.857.336	199.678.265
Thu nhập tính thuế TNDN	52.616.134.300	26.488.033.185
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.523.226.859	5.297.606.637
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.884.942.916	1.175.121.336
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(12.439.135.690)	(2.587.785.057)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	1.969.034.085	3.884.942.916

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	675.480.543.719	536.819.533.268
Chi phí nhân công	157.977.146.612	171.211.523.850
Chi phí khấu hao tài sản cố định	72.560.817.390	28.826.125.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.206.828.868	202.139.592.302
Chi phí khác bằng tiền	10.644.108.282	57.265.887.332
	1.177.869.444.871	996.262.662.062

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.177.687.800	-	66.177.086.019	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	408.890.371.531	(10.393.103.278)	309.792.572.515	(7.491.121.523)
Đầu tư ngắn hạn	100.870.000.000	(3.380.000.000)	250.000.000	-
Đầu tư dài hạn	13.020.000.000	-	22.520.000.000	-
	603.958.059.331	(13.773.103.278)	398.739.658.534	(7.491.121.523)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	414.830.836.608	290.809.226.315
Phải trả người bán, phải trả khác	200.414.126.323	210.218.985.436
Chi phí phải trả	5.248.688.641	5.024.318.952
	620.493.651.572	506.052.530.703

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo***Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.177.687.800	-	-	81.177.687.800
Phải thu khách hàng, phải thu khác	396.168.568.253	2.328.700.000	-	398.497.268.253
Đầu tư ngắn hạn	97.490.000.000	-	-	97.490.000.000
Đầu tư dài hạn	-	10.520.000.000	2.500.000.000	13.020.000.000
	574.836.256.053	12.848.700.000	2.500.000.000	590.184.956.053
Tại ngày 01/01/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.177.086.019	-	-	66.177.086.019
Phải thu khách hàng, phải thu khác	302.153.950.992	147.500.000	-	302.301.450.992
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	-	-	250.000.000
Đầu tư dài hạn	-	20.000.000.000	2.520.000.000	22.520.000.000
	368.581.037.011	20.147.500.000	2.520.000.000	391.248.537.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2019				
Vay và nợ	347.298.269.554	67.532.567.054	-	414.830.836.608
Phải trả người bán, phải trả khác	200.414.126.323	-	-	200.414.126.323
Chi phí phải trả	5.248.688.641	-	-	5.248.688.641
	552.961.084.518	67.532.567.054	-	620.493.651.572
Tại ngày 01/01/2019				
Vay và nợ	249.001.383.916	41.807.842.399	-	290.809.226.315
Phải trả người bán, phải trả khác	210.218.985.436	-	-	210.218.985.436
Chi phí phải trả	5.024.318.952	-	-	5.024.318.952
	464.244.688.304	41.807.842.399	-	506.052.530.703

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

	Lãnh thổ Việt Nam VND	Lãnh thổ nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.032.784.750.383	327.155.458.404	1.359.940.208.787
Tài sản bộ phận	698.753.345.911	350.507.424.566	1.049.260.770.477
Tổng chi phí mua TSCĐ	58.845.470.571	49.166.382.408	108.011.852.979

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2019</u>	<u>Năm 2018</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	304.491.329.261	145.412.960.328
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	44.367.825.007	233.456.042.870
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	8.968.003.477	693.349
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51.479.731.321	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	44.875.900.450	-
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	10.687.652.344	8.293.835.606
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	234.367.220	1.287.489.237
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	367.025.502	104.167.156
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	47.079.145.648	-

Số dư tại ngày kết thúc năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	183.887.017.521	49.904.463.390
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	9.808.677.533	14.980.841.084
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	49.363.490.495	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	5.658.744.137	-
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	3.162.765.324	-
Ứng trước cho nhà cung cấp			
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	1.664.572.893	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	51.510.997	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	15.649.216.589	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Công ty con	3.400.000.000	-
Phải thu khác			
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	709.004.927	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Công ty con	9.110.218.295	-
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	508.370.878	16.150.533.357
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	237.670.911	265.095.351
Công ty TNHH SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	154.001.861
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	45.436.276.803	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&CTầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Tp Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng kèm theo

Người mua trả tiền trước

Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	182.761.434.371	-
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	3.500.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Công ty con	204.689.001	-
Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Trung	Công ty con	123.910.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.197.675.546	3.398.011.833

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Nguyễn Đức Duy
Người lậpNguyễn Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Chính Đại
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2020

